

Số: 80/2017/HSST

Ngày: 22/12/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HOÁ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Văn Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đoàn Thân.

2. Bà Nguyễn Thị Liên.

Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Văn Trung – Thư ký Toà án nhân dân huyện HT, tỉnh Thanh Hoá

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Thêm - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện HT, tỉnh Thanh Hoá xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 68/2017/HSST, ngày 16/11/2017 đối với các bị cáo:

1. Trịnh Văn L, sinh năm 1994, Tại: HB, HT, Thanh Hóa. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn Đ, xã HB, huyện HT, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa 9/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trịnh Văn S và bà Nguyễn Thị B, gia đình có 02 người con, bị cáo là con thứ hai; Vợ: Hoàng Thị N, Con: 01 con sinh 2017; Tiền án: không;

Tiền sự: Ngày 09/3/2017 bị Công an xã HB huyện HT, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 1.000.000đ về hành vi trộm cắp tài sản;

Nhân thân: Ngày 26/11/2015, bị Công an thị xã Tam Điệp nay là Thành phố Tam Điệp tỉnh Ninh Bình xử phạt hành chính về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy (đã nộp phạt); Ngày 20/11/2017 bị Tòa án nhân dân huyện HT tỉnh Thanh Hóa xử phạt 09 tháng tù về tội “ *Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

Bị tạm giam trong vụ án khác tại Trại tạm giam công an tỉnh Thanh Hóa.

Có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Văn Chiễn, sinh năm 1981; Tại: HB, HT, Thanh Hóa. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn B, xã HB, huyện HT, tỉnh Thanh Hóa. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Thanh T và bà Trần Thị K, gia đình có ba người con bị cáo là con thứ ba; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân Thân: Ngày 24/11/2005, bị Tòa án nhân dân thị xã BS, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 05 tháng tù về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”

Tạm giữ từ ngày 15/8/2017 đến ngày 24/8/2017 thay bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

1. Ông Lại Thế A, sinh năm 1974;

Trú tại: Thôn a, xã HG, huyện HT, tỉnh Thanh Hóa.

Có mặt tại phiên tòa.

2. Chị Lại Thị P, sinh năm 1994;

Trú tại: Thôn 2, xã HG, huyện HT, tỉnh Thanh Hóa.

Vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Lưu Ngọc V, sinh năm 1988;

Trú tại: PC, xã TV, huyện TT, tỉnh Thanh Hóa.

Vắng mặt tại phiên tòa

NHẬN THẤY:

Các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện HT, tỉnh Thanh Hóa truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 22h ngày 21/6/2017, Trịnh Văn L nhờ Đỗ Quang Huy đi xe máy Vison mang BKS 36G1 - 18248 của Huy chở đến nhà Trần Văn Cchơi. L rủ Clên nhà bạn của L ở huyện Thạch Thành để đòi tiền nợ. Huy chở C và L lên Thạch Thành nhưng không gặp bạn L. Khi cả 3 đi về đến trạm bơm xã Hà Tiến, huyện HT, tỉnh Thanh Hóa thì Huy có khách gọi điện thoại nhờ đi taxi nên Huy để L và Cở lại trạm bơm xã Hà Tiến rồi một mình về nhà lấy ô tô đi đón khách. Khoảng 30 phút sau thì L gọi điện thoại cho Huy đến đón. L và Cđi bộ về hướng QL1A được khoảng gần 100 mét thì gặp Huy điều khiển chiếc xe ô tô mang BKS:36A - 06061 đến, L và Clên xe và ngồi ở ghế sau. Trên đường đi L rủ Cđi trộm cắp gà. Khi đến ngã 3 đường rẽ đi Ủy ban nhân dân xã HG thì L nói Huy dừng xe. L và Cđi bộ đến gia đình ông Lại Thế A ở thôn A, xã HG, huyện HT, tỉnh Thanh hóa thì nhìn thấy cửa cổng nhà ông A đang chốt, cửa chính nhà 2 tầng đang mở. L và Ctrèo tường vào trong sân, tìm gà không thấy nên L bảo Cra ngoài cánh giới còn L tiếp tục đi vào phòng khách nhà 2 tầng thì phát hiện thấy tại kệ ti vi có một chiếc điện thoại Iphone 4S màu đen đang sạc pin, bên cạnh là một chiếc chìa khóa xe máy, L lấy chiếc điện thoại và chìa khóa xe máy, tiếp tục đi vào buồng ngủ của vợ chồng ông A nhìn thấy ở trên đầu giường có một chiếc điện thoại di động Samsung và một chiếc điện thoại Nokia 22 màu đen, L lấy 02 cái điện thoại, sau đó lên tầng 2 thấy có 02 phòng, trong phòng không có người. Vào phòng thứ nhất L lấy chiếc túi xách đang để ở trên giường và bỏ toàn bộ tài sản vừa lấy được ở tầng 1 vào trong túi xách rồi đeo lên người, đến phòng thứ 02 L lấy một chiếc máy tính bảng Tab 4 màu trắng đang để ở đầu giường và bỏ vào túi xách rồi đi xuống tầng 1 ra hông phía tây nhà nhìn thấy chiếc xe máy Attila mang BKS: 36B4 - 492.77, L lấy chiếc chìa khóa trước đó lấy được ở kệ ti vi phòng khách cắm vào ổ khóa vặn theo chiều kim đồng hồ thì thấy đèn báo sáng, L dắt xe máy ra cổng bảo C mở chốt cổng và giúp L đẩy xe ra ngoài. L nổ máy chở theo Cđi thẳng theo hướng HT đi huyện Thạch Thành. Đến ngã 3 Ngọc Trạo, L điều khiển xe rẽ trái đi được một đoạn thì dừng xuống mở cốp xe ra kiểm tra và thấy trong cốp xe có một chứng minh thư nhân dân, một giấy đăng kí xe máy Attila mang tên Lại Thị P; 02 (hai) thẻ ATM; 02 (hai) áo chống nắng; 01 (một) chiếc điện thoại Masster màu xanh và số tiền là

1.080.000đ (một triệu không trăm tám mươi nghìn đồng), L lấy toàn bộ tài sản này bỏ vào trong túi xách, sau đó mặc áo chống nắng rồi đưa cho Csố tiền là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng). Cầm tiền bỏ vào trong túi quần rồi lên xe chở L đi tìm quán ăn đêm, đi được khoảng 03 km L nói với C quay xe lại đi đến cây ATM của ngân hàng Agribank thuộc khu 5, thị trấn Kim Tân, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa để rút tiền. Đến nơi C đứng ở ngoài còn L dùng áo chống nắng trùm lên đầu rồi đi vào cây ATM rút tiền nhưng không được, tiếp tục đến cây rút tiền ATM của ngân hàng Vietinbank nằm cạnh cây xăng Xuân Du thuộc khu 2, thị trấn Vân Du, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa, L bảo C dừng xe đứng ở ngoài đợi, còn L tiếp tục đi vào cây ATM để rút tiền. L cho thẻ ATM của chị Lại Thị P vào cây rút tiền sau đó mang chứng minh thư của chị P ra nhìn ngày tháng năm sinh để nhập mật khẩu. Sau khi nhập mật khẩu thành công L rút 04 lần với tổng số tiền là 8.000.000đ (tám triệu đồng). Khi về đến ngã tư Phố Cát, L nghĩ trong tài khoản của chị P vẫn đang còn tiền nên đã đi đến cây rút tiền của ngân hàng Sacombank nằm bên trái đường gần cổng công ty SH Vina để rút tiền, L vào cây để nhập mật khẩu nhưng không thực hiện được nên quay lại ngã tư Phố Cát cùng với C để thuê phòng nghỉ tại nhà nghỉ Nga Quy, trên đường đi L rút hai thẻ ATM cùng 2 chiếc áo chống nắng ở lề đường thuộc xã Thành Tâm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa. Vào trong phòng L mang túi xách ra kiểm tra số tài sản vừa trộm cắp được và đưa cho Csố tiền là 650.000đ (sáu trăm năm mươi nghìn đồng). Đến khoảng 10h ngày 22/6/2017 sau khi ngủ dậy L và C đi cầm cố chiếc xe máy trộm cắp được của gia đình ông A. Đi đến ngã tư Phố Cát thì gặp anh Lưu Ngọc V là chủ hiệu cầm đồ Giang V, L bảo với anh V cho cầm cố chiếc xe máy Attila, đến cửa hiệu cầm đồ, L đứng ở ngoài, còn C đi vào trong đưa cho anh V một chứng minh thư nhân dân, một giấy đăng ký xe máy Attila BKS:36B4 - 492.77 mang tên Lại Thị P và nói với anh V đây là xe máy của vợ, anh V đồng ý cho C cầm cố chiếc xe với giá 8.000.000đ (tám triệu đồng). Thấy C đi ra, L gọi điện cho Huy đến đón, khi lên xe ô tô của Huy, C đã đưa toàn bộ số tiền vừa cầm cố chiếc xe máy cho L. L cầm số tiền này rồi chia cho C 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng). Khi về đến xã Hà Long thì C xuống xe, còn L về xã HB, thanh toán tiền taxi cho Huy hết 1.000.000đ (một triệu đồng), cho Huy vay 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) và cho Huy một chiếc điện thoại di động Samsung màn hình cảm ứng dạng trượt.

Đến ngày 15/8/2017 Trần Văn Cra đầu thú và khai nhận đã cùng với L thực hiện vụ trộm cắp tài sản tại gia đình ông Lại Thế A ở thôn 2, xã HG, huyện HT, tỉnh Thanh Hóa vào rạng sáng ngày 22/6/2017. Tiến hành lấy lời khai của Trịnh Văn L, L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Về vật chứng vụ án: Chiếc xe máy Attila BKS: 36B4 - 492.77 đã thu hồi và trả cho chị Lại Thị P; Đối với 02 chiếc thẻ ATM và 2 áo chống nắng L khai trên đường về ngã tư Phố Cát đã vứt ở lề đường thuộc xã Thành Tâm, huyện Thạch Thành, Cơ quan CSĐT đã truy tìm nhưng không thu hồi được; Đối với chiếc túi xách L khai vứt tại thôn Đông Trung 2, xã HB, cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không truy tìm được (BL 54). Chiếc điện thoại di động Nokia 22 màu đen; chiếc điện thoại Iphone 4S màu đen; chiếc máy tính bảng Tab 4 màu trắng L khai bán cho người đi đường không quen biết ở Ninh Bình với giá 1.200.000đ (một triệu hai trăm nghìn đồng); Chiếc điện thoại di động Samsung màn hình cảm ứng dạng trượt

mà L cho Huy vào ngày 22/6/2017. Huy khai do không sử dụng được nên đã vứt tại đoạn đường 523 thuộc xã Hà Tiến, HT, Thanh Hóa, Cơ quan CSĐT đã tiến hành truy tìm nhưng không thu hồi được.

Đối với chiếc điện thoại Masster màu xanh mà L đưa cho Chiển, trong quá trình sử dụng Cđã làm mất nên không thu hồi được.

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 18/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: Chiếc xe máy Attila màu vàng BKS 36B4-49277; chiếc điện thoại Iphone 4S màu đen; chiếc điện thoại di động Nokia 22 màu đen; chiếc máy tính bảng Tab 4 màu trắng; chiếc điện thoại di động Samsung màn hình cảm ứng dạng trượt; chiếc điện thoại Masster màu xanh, có tổng giá trị là 29.550.000đ(hai mươi chín triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng). Ngoài ra, L, Ccòn lấy số tiền là 9.080.000đ(Chín triệu không trăm tám mươi nghìn đồng). Tổng giá trị tài sản trộm cắp là: 38.630.000đ(Ba mươi tám triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng).

Ngày 03/10/2017 gia đình Trịnh Văn L và Trần Văn Cđã bồi thường dân sự cho gia đình bị hại là ông Lại Thế A toàn bộ số tài sản mà L và Cđã lấy trộm vào rạng sáng ngày 22/6/2017. Gia đình ông A đã nhận lại xe và số tiền bồi thường nên không có yêu cầu gì thêm về phần dân sự.

Đối với anh Lưu Ngọc V khi cho Ccắm chiếc xe nói trên vì không biết chiếc xe máy này là tài sản do trộm cắp được mà có nên không có căn cứ xử lý anh V về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Số tiền 8.000.000đ (Tám triệu đồng) mà anh V đưa cho Ckhi cắm xe, Đại diện gia đình của L và Cđã bồi thường cho anh V nên anh V không yêu cầu gì về phần dân sự.

Đối với Đỗ Quang Huy là người liên quan đến vụ án do không biết việc L Cđi trộm cắp tài sản nên không có căn cứ để xử lý.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị áp dụng khoản 1 điều 138, điểm b, p khoản 1 khoản 2 điều 46, điều 20, điều 53 BLHS đối với các bị cáo. Xử phạt Trịnh Văn L từ 12 đến 15 tháng tù, Trần Văn Ctừ 09 đến 12 tháng tù; áp dụng điều 60 BLHS cho bị cáo Cđược hưởng án treo thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng; áp dụng khoản 1 điều 51 BLHS tổng hợp hình phạt theo bản án số 65/2017/HSST ngày 20/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện HT, tỉnh Thanh Hóa đối với L.

Tại phiên tòa người bị hại là ông Lại Thế A đồng ý với ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát. Lời khai nhận tội của các bị cáo, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các vật chứng đã thu giữ được và những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại

phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Sáng ngày 22/6/2017 Trịnh Văn L và Trần Văn C đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 xe máy Attila màu vàng BKS 36B4-49277, 01 điện thoại Nokia 22 màu đen, 01 chiếc điện thoại Iphone 4S màu đen, 01 điện thoại Samsung màn hình cảm ứng dạng trượt, 01 một chiếc điện thoại Masster màu xanh, 01 máy tính bảng Tab 4 màu trắng và số tiền 9.080.000đ (Chín triệu không trăm tám mươi nghìn đồng) của gia đình ông Lại Thế A. Tổng giá trị tài sản mà L và C trộm cắp là 38.630.000đ (*Ba mươi tám triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng*). Hành vi của Trịnh Văn L và Trần Văn C vi phạm vào khoản 1 điều 138 BLHS.

Xét về tính chất mức độ của vụ án thấy rằng: Tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng tuy nhiên hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản hợp pháp của công dân, xâm hại đến trật tự quản lý xã hội, do vậy cần xử lý nghiêm tương xứng với hành vi hậu quả mà các bị cáo đã gây ra, nhằm cải tạo các bị cáo thành người lương thiện và làm bài học giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

Về trách nhiệm hình sự của các bị cáo: Đây là vụ án đồng phạm có tính chất giản đơn, trong đó Trịnh Văn L là người có vai trò chính trong vụ án, là người rủ rê, khởi sự, thực hành tích cực trong việc trộm cắp và hưởng lợi nhiều nhất từ tài sản trộm cắp được, nên L phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn Chiển. Bị cáo L và C phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, cùng có các tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, theo điểm p khoản 1 điều 46 BLHS, gia đình bị cáo L và C đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả cho người bị hại là tình tiết giảm nhẹ theo điểm b khoản 1 Điều 46 BLHS; bị cáo C có thêm tình tiết đầu thú, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 điều 46 BLHS. Bị cáo L đã bị xử phạt hành chính nhiều lần về hành vi trộm cắp tài sản, hiện đang chấp hành án theo bản án 65/2017/HSST ngày 20/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện HT, tỉnh Thanh Hóa, bản án đã có hiệu lực pháp luật nên sẽ được tổng hợp hình phạt trong vụ án này và cần cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian để cải tạo các bị cáo thành người tốt và phòng ngừa chung.

Bị cáo Trần Văn C ngày 24/11/2005, bị Tòa án nhân dân thị xã BS, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 05 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” hiện đã được xóa án tích, tại phiên tòa thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội, vai trò của bị cáo là thấp, do bị rủ rê lôi kéo của L, bị cáo chỉ hưởng lợi một phần nhỏ tài sản trộm cắp được với số tiền 2.350.000đ nhưng gia đình và bị cáo C đã bồi thường số tiền 13.000.000đ bồi thường cho bị hại và anh V, Bị cáo phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo các điểm b, p khoản 1 khoản 2 điều 46 BLHS và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bản thân bị cáo là lao động duy nhất trong gia đình, bố mẹ già yếu nên không cần thiết phải cách ly khỏi đời sống xã hội, chỉ cần giao cho chính quyền địa p giám sát giáo dục và A định thời gian thử thách cũng đủ khả năng cải tạo bị cáo. Hình phạt này vừa đảm bảo tính nghiêm minh, răn đe, trừng trị, vừa thể hiện sự khoan hồng của pháp luật và chính sách nhân đạo của Nhà nước nên chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cho bị cáo được hưởng án treo.

Các bị cáo phạm tội vì vụ lợi, tuy nhiên cả hai bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo Clà lao động duy nhất trong gia đình, bố mẹ già yếu; bị cáo L con còn nhỏ nên không phạt tiền các bị cáo là phù hợp.

Về bồi thường thiệt hại: Người bị hại đã nhận lại xe, được bồi thường đầy đủ, không yêu cầu gì thêm nên miễn xét. Trong vụ án này, bị cáo C đã bồi thường nhiều hơn so với số tiền được hưởng lợi từ việc trộm cắp, nhưng bị cáo C không yêu cầu L phải trả lại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trong vụ án này anh Lưu Ngọc V là chủ hiệu cầm đồ V Giang, khi cầm cố xe anh V không biết là xe do trộm cắp mà có, xe có giấy tờ đầy đủ nên Viện kiểm sát không truy tố Lưu Ngọc V về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” là phù hợp. Anh V cũng đã nhận đủ số tiền 8.000.000đ (Tám triệu đồng) tiền các bị cáo cầm cố xe và không có yêu cầu thêm gì nên miễn xét.

Đối với Đỗ Quang Huy là người liên quan đến vụ án do không biết việc L C đi trộm cắp tài sản nên không phải là đồng phạm trong vụ án.

Về xử lý vật chứng: 01 Chiếc túi xách L vớt ở thôn Đông Trung 2 xã HB, huyện HT, tỉnh Thanh Hóa, 02 Thẻ ATM và áo chống nắng L vớt ở ngã tư Phố Cát Cơ quan CSĐT đã tiến hành truy tìm nhưng không phát hiện và thu hồi được. Một số điện thoại, máy tính bảng L bán cho người không quen biết và cho anh Huy nhưng không sử dụng được anh Huy đã vớt bỏ, nên không thu hồi được.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Các bị cáo Trịnh Văn L, Trần Văn C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng: Khoản 1, điều 138; điểm b, p khoản 1 khoản 2 điều 46; điều 33, điều 53, khoản 1 điều 51 BLHS; Xử phạt Trịnh Văn L 15(Mười lăm) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 09(Chín) tháng tù theo bản án số 65/2017/HSST ngày 20/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện HT, tỉnh Thanh Hóa. Buộc Trịnh Văn L chịu hình phạt chung của hai bản án là 24(Hai mươi bốn) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày 09/8/2017.

- Áp dụng: Khoản 1 điều 138; điểm b, p khoản 1 khoản 2 điều 46, điều 60, điều 53 BLHS; Xử phạt Trần Văn C 12(Mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (Hai mươi bốn) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho UBND xã HB, huyện HT, tỉnh Thanh Hóa theo dõi, giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Án phí: Căn cứ Điều 99 BLTTHS, điều 6, khoản 1 điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH, Buộc Trịnh Văn L, Trần Văn C mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các bị cáo, ông A có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị P có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ; Anh Lưu Ngọc V có quyền kháng cáo phần liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận

- VKSND huyện HT;
- Công an huyện HT;
- Các bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã Ký)

Hoàng Văn Đạt